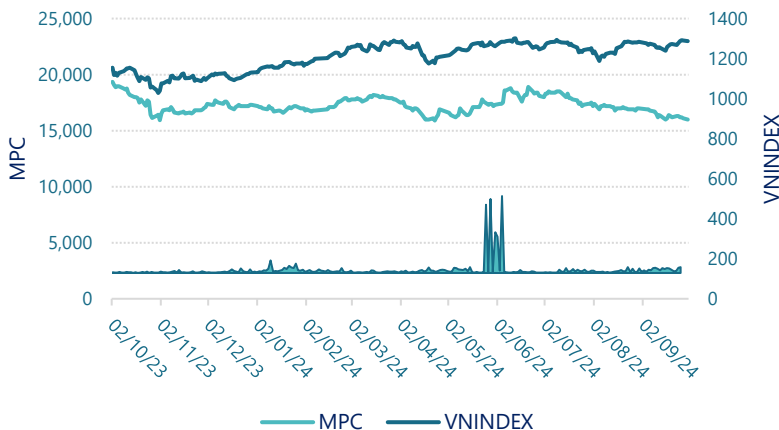




CTCP Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú (UPCOM: MPC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	16,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	19,355
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,900
SL cổ phiếu LH	400,938,300
KLGD BQ 20 phiên (CP)	48,320
% sở hữu nước ngoài	39.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,415
P/E	-154.7
EPS	-103

DT thuần

Q3/24

4,344

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 606 | 16.2%

YoY: ▲ 1,351 | 45.1%

LN sau thuế

Q3/24

-90.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼129 | -335%

YoY: ▼64.0 | -245%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

-0.7%

+/- YoY: ▼ 1.7%

DT thuần

9T 2024

10,833

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3,367 | 45.1%

LN sau thuế

9T 2024

-44.5

tỷ VNĐ

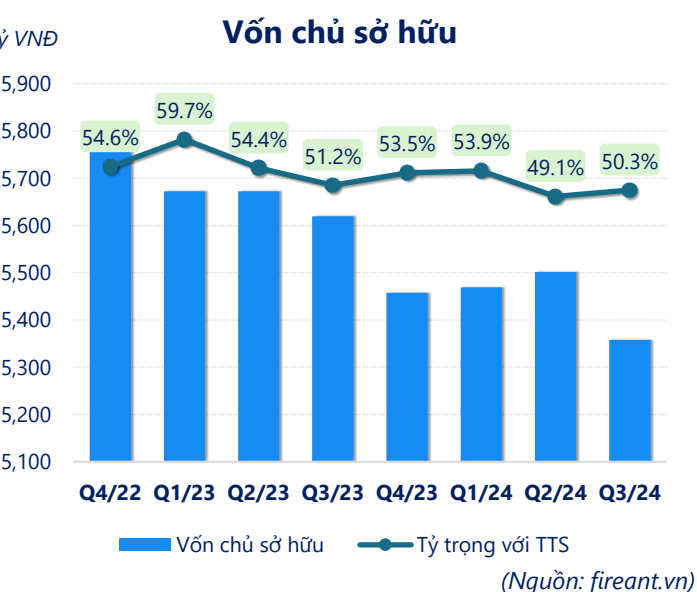
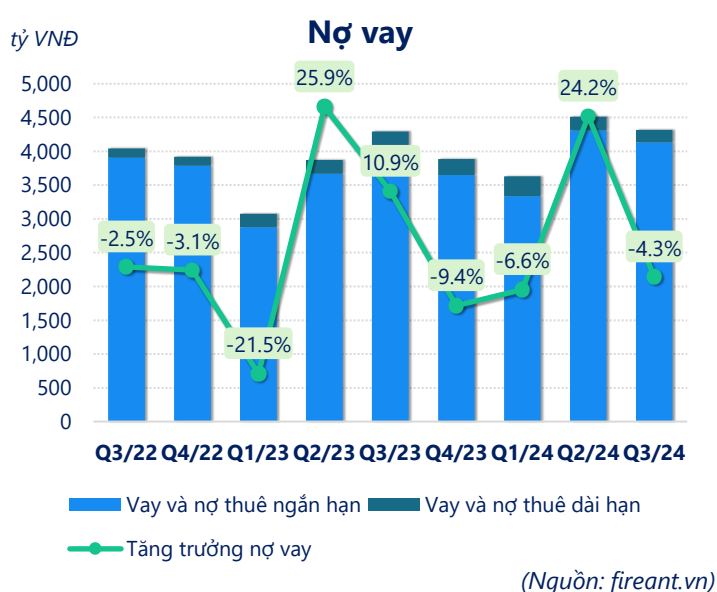
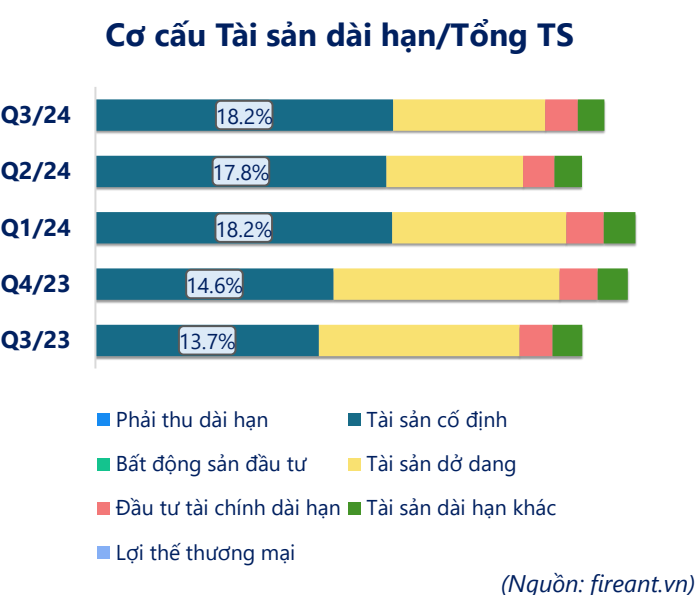
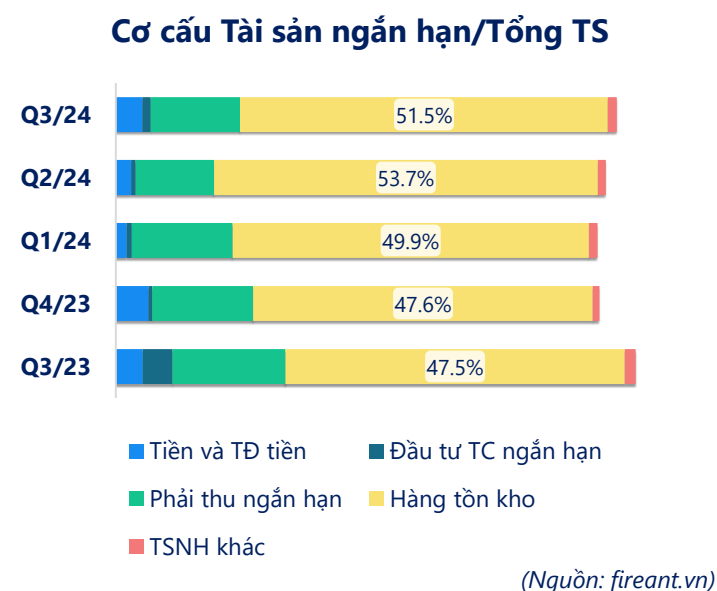
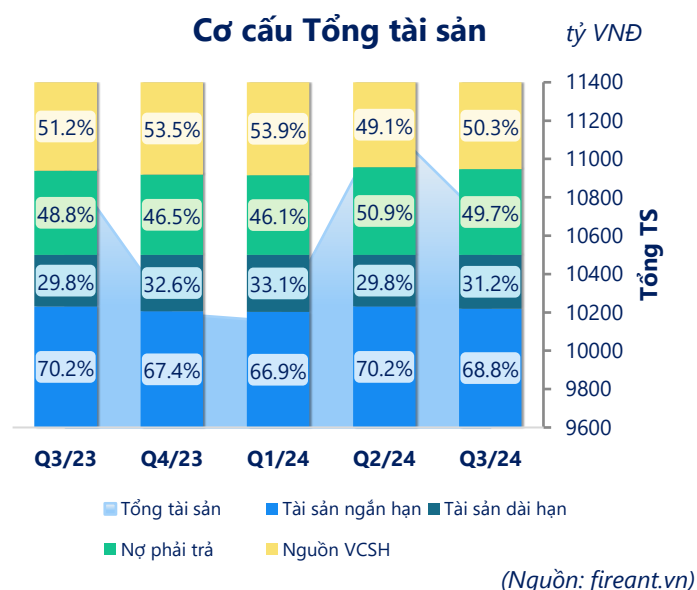
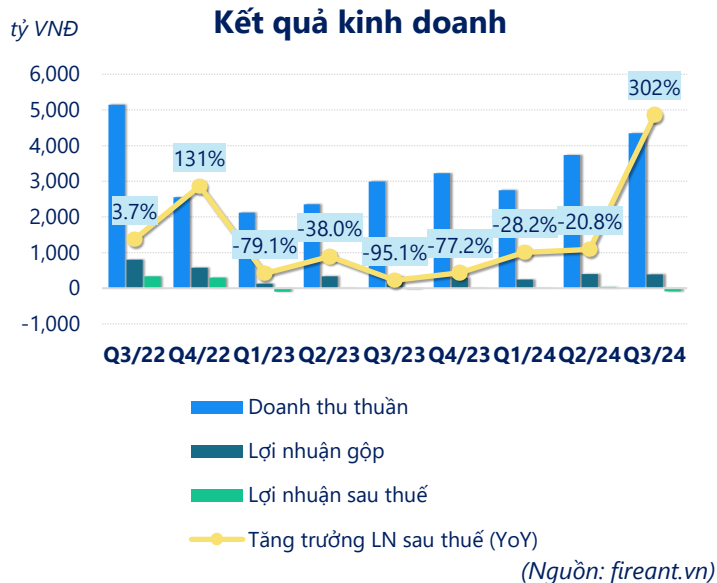
YoY: ▲ 69.5 | 61.1%

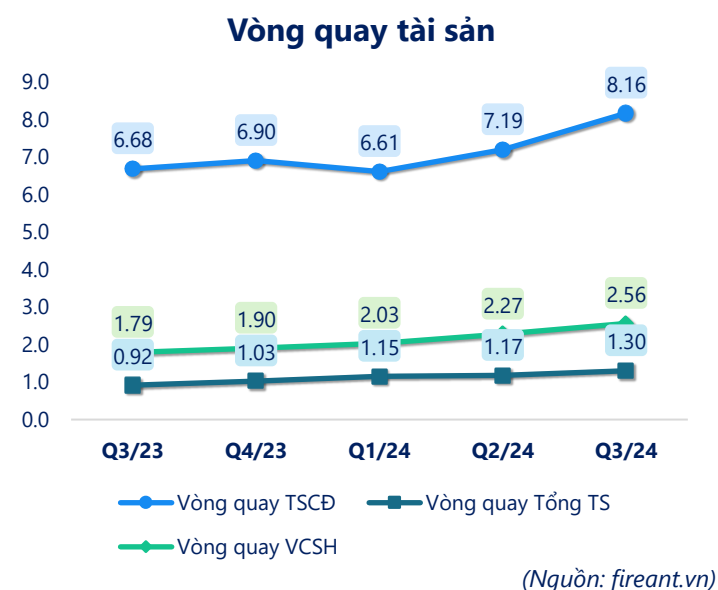
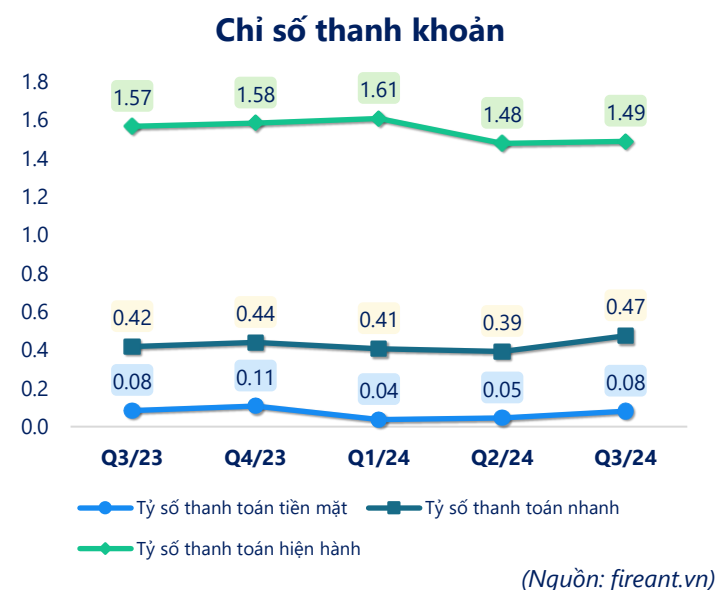
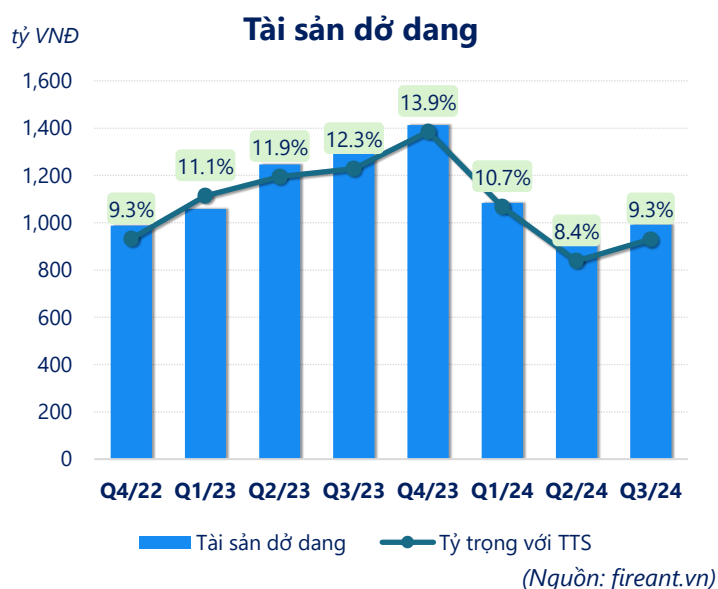
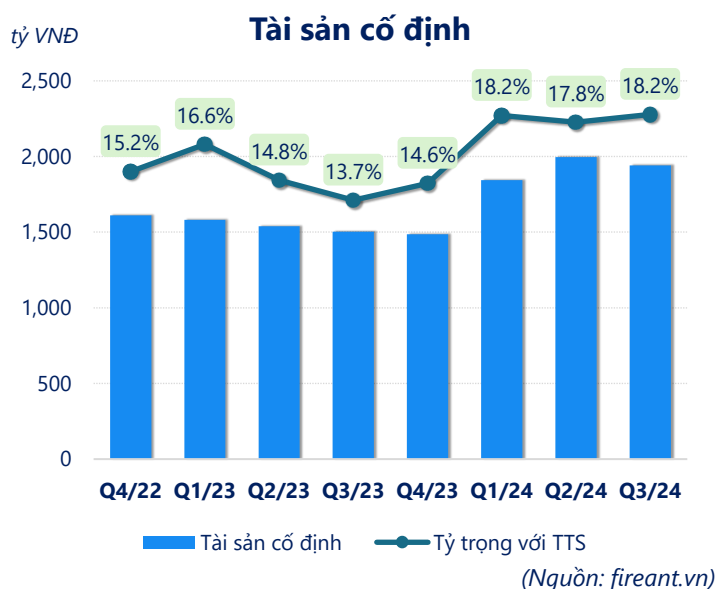
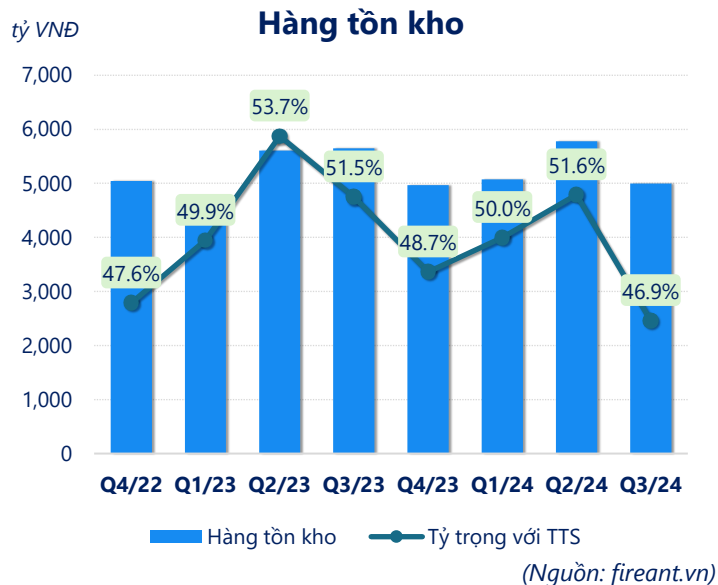
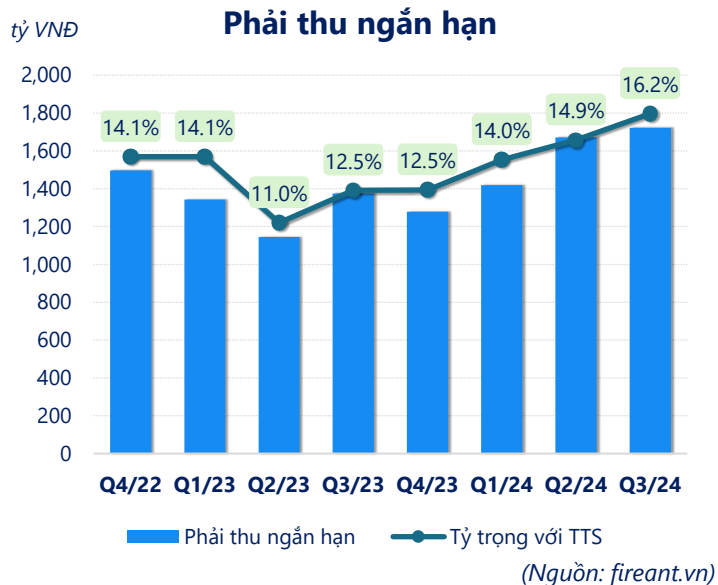
ROE

Q3/24

-0.8%

+/- YoY: ▼ 4.0%





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	10,973	10,195	10,152	11,198	10,651
Tài sản ngắn hạn	7,701	6,871	6,794	7,861	7,331
Tiền và tương đương tiền	415	465	155	240	396
Đầu tư tài chính ngắn hạn	126	50.9	9.08	15.8	19.1
Phải thu ngắn hạn	1,375	1,279	1,419	1,672	1,723
Hàng tồn kho	5,651	4,967	5,076	5,776	4,998
Tài sản ngắn hạn khác	134	108	136	158	196
Tài sản dài hạn	3,272	3,324	3,358	3,338	3,320
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	1,502	1,486	1,844	1,996	1,941
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1,348	1,413	1,084	939	992
Đầu tư tài chính dài hạn	221	237	233	215	215
Tài sản dài hạn khác	200	188	196	188	172
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	5,354	4,738	4,684	5,697	5,293
Nợ ngắn hạn	4,915	4,337	4,225	5,317	4,921
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4,079	3,649	3,334	4,305	4,130
Phải trả người bán ngắn hạn	500	384	621	613	380
Nợ dài hạn	439	401	459	379	372
Vay và nợ thuê dài hạn	212	238	298	206	186
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,619	5,457	5,469	5,502	5,358
Vốn chủ sở hữu	5,619	5,457	5,469	5,502	5,358
Vốn điều lệ	3,999	3,999	3,999	3,999	3,999
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)